TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH** ---------=---------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HS-ST
Ngày: 05-3-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Huệ.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Lưu Danh Sử.

Ông Nguyễn Văn Phiếu.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà:*** Bà Bùi Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 05/3/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 08/2019/TLST-HS ngày 23/01/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-HS ngày 11/02/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên Bùi Văn T**,** sinh năm 1979; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: không; Nơi ở và ĐKNKTT: Thôn Đ, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Thiên chúa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 03/12; Con ông Bùi Văn T và bà Bùi Thị T; Có vợ Bùi Thị T và có 03 con lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2011; Có 01 tiền án: Tại bản án số 97/2018/HS-ST ngày 30/8/2018 Tòa án nhân dân thành phố N tuyên phạt Bùi Văn T 48 tháng tù về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*; Tiền sự: Không; Bị cáo Bùi Văn T hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình để chờ thi hành án tại bản án số 97/2018/HS-ST ngày 30/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố N.

Lịch sử bản thân: Ngày 12/02/2003 bị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử về tội *"Cướp tài sản"*.

(Bị cáo có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn T:

- Ông Phạm Văn S và bà Lê Thị Thu H - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Bình (Ông S có mặt, bà H vắng mặt - có đơn xin xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Bùi Hoàng H, sinh năm 1982. Trú tại: Thôn Q, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt).

- Anh Nguyễn Thanh N, sinh năm 1976. Trú tại: Xóm T, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (Có mặt).

Người làm chứng:

- Anh Bùi Xuân T, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

- Bà Bùi Thị T, sinh năm 1958 (Có mặt).

- Bà Bùi Thị T1, sinh năm 1979 (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bùi Văn T là đối tượng nghiện ma túy, để có ma túy sử dụng Bùi Văn T đã mua ma túy về sử dụng và bán cho những người nghiện để kiếm lời. Ngày 29/01/2018 Bùi Văn T đã bán ma túy cho Bùi Hoàng H, sinh năm 1982, trú tại thôn Q, xã S, huyện N, cụ thể:

Khoảng 9 giờ ngày 29/01/2018 Nguyễn Thanh N, sinh năm 1976, trú tại xóm T, xã K, huyện Y là bạn cùng nghiện ma túy với Bùi Hoàng H đi đến nhà Bùi Hoàng H chơi. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày do có nhu cầu sử dụng ma túy nên N và H đã góp mỗi người 100.000 đồng để đi mua ma túy về sử dụng. Sau đó H sử dụng điện thoại di động số thuê bao 0966.629.478 của H để liên lạc gọi vào số thuê bao 0962.401.442 của Bùi Văn T hỏi mua 200.000 đồng ma túy. T đồng ý và hẹn H đến nhà T ở thôn Đ, xã Q, huyện N để bán. Sau khi nghe điện thoại xong H điều khiển xe mô tô của H chở N đi đến nhà T, khi đi đến gần nhà T thì N xuống xe còn H đi bộ đến gặp T, lúc này T đang đứng bên trong tường rào gần cổng nhà T, để lộ 1/3 người bên trên tường rào, T đặt gói ma túy trên thành tường rào nhà T. H thấy vậy đưa cho T số tiền 200.000 đồng rồi cầm gói ma túy T vừa đặt trên tường rào đi ra chỗ N và điều khiển xe mô tô chở N đi về nhà H. Trên đường về xã S, N và H đã lấy gói ma túy vừa mua của T ra sử dụng hết (BL 201, BL 205-210, BL168, BL 172-192).

Ngày 31/01/2018, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm ma túy Công an tỉnh Ninh Bình phối hợp Công an phường Tân Thành bắt quả tang Bùi Văn T có hành

vi tàng trữ trái phép 4,0050 gam Heroin (BL 266-267). Ngày 07/02/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình đã tiến hành khởi tố vụ án, khởi tố bị can, ra lệnh tạm giam bị can đối với Bùi Văn T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. (BL 231-246).

Giai đoạn điều tra Bùi Văn T không thừa nhận toàn bộ hành vi bán trái phép chất ma túy cho Bùi Hoàng H.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận bán trái phép chất ma túy cho Bùi Hoàng H một lần vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 29/01/2018 tại tường bao nhà mình. Bị cáo không đồng ý về Quyết định truy tố của Viện kiểm sát và không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định số 71/KLGĐ-PC54-MT ngày 16/4/2018.

Tại bản Cáo trạng số 70/CT-VKSNQ-HS ngày 18/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự cụ thể như sau:

Bùi Văn T là đối tượng nghiện ma túy, để có ma túy sử dụng Bùi Văn T đã mua ma túy về sử dụng và bán cho những người nghiện để kiếm lời. Trong hai ngày 26/01/2018 và ngày 29/01/2018 Bùi Văn T đã 03 lần bán ma túy cho Bùi Hoàng H, sinh năm 1982, trú tại thôn Q, xã S, huyện N. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 15 giờ ngày 26/01/2018, Bùi Hoàng H đang ở nhà tại thôn Q, xã S, huyện N do có nhu cầu sử dụng ma túy loại Heroine nên H đã sử dụng điện thoại di động số thuê bao 0966629478 của H để liên lạc gọi vào số thuê bao 0962401442 của Bùi Văn T hỏi mua 200.000 đồng ma túy, T đồng ý và hẹn H đi đến quán nước ở bên đường Quốc lộ 12B thuộc địa phận thôn S, xã Q, huyện N để bán ma túy. Sau đó Bùi Hoàng H điều khiển xe mô tô từ nhà đến quán nước ở ven đường 12B thuộc địa phận thôn S, xã Q, huyện N thì thấy Bùi Văn T đang ngồi trong quán nước, H dựng xe mô tô trước quán rồi đi bộ vào trong quán gặp T. Tại đây H đưa cho T số tiền 200.000 đồng, T cầm tiền bỏ vào trong ví rồi móc trong túi quần bò phía sau bên trái đưa cho H 01 gói ma túy, H cầm gói ma túy vừa mua của T đi xe máy về nhà sử dụng hết cho bản thân (BL168, BL 172-192)

Lần thứ hai : Khoảng 9 giờ ngày 29/01/2018 Nguyễn Thanh N, sinh năm 1976, trú xóm T, xã K, huyện Y là bạn cùng nghiện ma túy với Bùi Hoàng H đi đến nhà Bùi Hoàng H chơi. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày do cùng có nhu cầu sử dụng ma túy nên N và H đã góp mỗi người 100.000 đồng để đi mua ma túy về để sử dụng. Sau đó H sử dụng điện thoại di động số thuê bao 0966629478 của H để liên lạc gọi vào số thuê bao 0962401442 của Bùi Văn T hỏi mua 200.000 đồng ma túy, T đồng ý và hẹn H đến nhà Tuệ ở thôn Đ, xã Q, huyện N để bán. Sau khi nghe điện thoại xong H điều khiển xe mô tô của H chở N đi đến nhà T, khi đi đến cách cổng nhà T khoảng 5m thì N xuống xe còn H đi bộ đến gặp T, lúc này T đang đứng bên trong tường rào gần cổng nhà T, để lộ 1/3 người bên trên tường rào, T đặt gói

ma túy trên thành tường rào nhà T, H thấy vậy đưa cho T số tiền 200.000 đồng rồi cầm gói ma túy T vừa đặt trên tường rào đi ra chỗ N và điều khiển xe mô tô chở N đi về nhà H. Trên đường về xã S, N và H đã lấy gói ma túy vừa mua của T ra sử dụng hết (BL 201, BL 205-210, BL168, BL 172-192).

Lần thứ ba : Khoảng 16 giờ ngày 29/01/2018, Nguyễn Thanh N và Bùi Hoàng H lại tiếp tục góp mỗi người 100.000 đồng để đi mua ma túy, sau đó H điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Thanh N đi đến nhà Tuệ ở thôn Đ, xã Q để mua ma túy. Khi đến cổng nhà T, H dựng xe máy ở trước cổng, N đứng ngoài xe chờ, còn H đi bộ vào trong sân gặp T bên hông nhà, H hỏi mua 200.000 đồng ma túy, T đồng ý và lấy trong túi quần bên phải đưa cho H 01 gói ma túy bên ngoài được gói bằng giấy màu trắng có chữ in màu đen, H lấy trong người ra đưa cho T số tiền 200.000 đồng. H cầm gói ma túy vừa mua được của Tuệ đi ra chỗ N và điều khiển xe mô tô chở N đi về nhà H. Khi về nhà H mở gói ma túy đã mua của T ra chia làm 02 phần, 01 phần Hà dùng giấy bạc của gói thuốc lá Thăng Long gói lại cất đi sau đó H đã sử dụng hết cho bản thân, phần còn lại H dùng tờ giấy gói ban đầu gói lại đưa cho N để N cầm về nhà ở xã K, huyện Y. Sau khi N mang gói ma túy về nhà thì đến tối 29/01/2018, N sử dụng một phần tại nhà, phần còn lại N gói lại để trong túi quần (BL 201, BL 205-210, BL168, BL 172-192). Đến khoảng 8 giờ ngày 30/01/2018 N mang phần ma túy còn lại đến khu vực nghĩa trang thuộc địa phận phường T, thành phố N để sử dụng thì bị Tổ công tác của Công an phường T và Phòng Cảnh sát tội phạm về ma túy Công an tỉnh Ninh Bình phát hiện bắt giữ. N khai số ma túy vừa sử dụng N mua của Bùi Văn T ở thôn Đ, xã Q, huyện N. Tổ công tác đã thu giữ của Nguyễn Thanh N 01 xi lanh loại 3ml, 01 mảnh giấy màu trắng kích thước (5x5) cm có in chữ màu đen (BL201, BL 205-210, BL168, BL172-192)(BL 01-03).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ quyền công tố tại phiên toà vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hình phạt chính:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Văn T từ 10 năm tù đến 10 năm 06 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Tổng hợp hình phạt của Bản án số 97/2018/HS-ST ngày 30/8/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố N xử phạt bị cáo 48 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 14 năm đến 14 năm 06 tháng tù. Thời hạn tính từ ngày 31/01/2018.

+ Về hình phạt bổ sung:

Áp dụng: Khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự. Phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 10 triệu đồng đến 12 triệu đồng.

+ Về xử lý vật chứng:

Áp dụng: Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: Một phong bì thư có số 37/2018/GĐMT bên trong là 01 bơm tiêm nhựa loại 03ml và 01 mảnh giấy màu trắng kích thước (5x5) cm có in chữ màu đen; một phong bì thư niêm phong chiếc điện thoại nhãn hiệu K- Touck H711 thu giữ của Bùi Hoàng H do không còn giá trị sử dụng.

- Truy thu sung quỹ: số tiền 600.000 đồng của Bùi Văn T 03 lần bán ma túy cho Bùi Hoàng H là số tiền do phạm tội mà có.

- Tịch thu sung quỹ: một điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh đã cũ có số IMEI 353687073289446 thu giữ của Bùi Văn T; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu K- Touck H711 thu giữ của Bùi Hoàng H là công cụ phương tiện dùng để phạm tội.

- Trả lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen đã cũ có số IMEI 353060067834660 cho Bùi Văn T do không liên quan đến hành vi phạm tội cho bị cáo.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo là trợ giúp viên pháp nhất trí về tội danh áp dụng như đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện N nhưng không nhất trí truy tố bị cáo T bán ma túy nhiều lần cho Bùi Hoàng H. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và áp dụng Điều 56; khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án thấp nhất và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N.

Lời nói sau cùng của bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố:

- Về thẩm quyền:Thực hiện đúng thẩm quyền.

- Về trình tự, thủ tục: Có nhiều tài liệu chứng cứ thu thập không đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, cụ thể:

+ Tại bút lục số 234 ngày 02/10/2018 Biên bản mở niêm phong, nhận dạng qua hình ảnh video và niêm phong. Chữ ký của người tham gia nhận dạng không phải của Phạm Thanh N.

+ Tại bút lục số 169 sơ đồ vị trí Bùi Hoàng H mua ma túy của Bùi Văn T vào hồi 11 giờ ngày 29/01/2018 và 171 sơ đồ vị trí Bùi Hoàng H mua ma túy của Bùi Văn T vào hồi 16 giờ ngày 29/01/2018 cả hai sơ đồ đánh dấu vị trí số 3 (vị trí của N) không phải do Bùi Hoàng H viết và vẽ.

Do đó các tài liệu này không hợp pháp và không được coi là chứng cứ.

[2]. Mặc dù tại cơ quan điều tra bị cáo không thừa nhận hành vi nhiều lần bán trái phép chất ma túy cho Bùi Hoàng H. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bị cáo xác định người đàn ông xuất hiện trong 03 tệp vi deo là bị cáo. Bị cáo là người nghiện ma túy và để có ma túy sử dụng cho bản thân nên sáng 29/01/2018 bị cáo đi mua ma túy của người không quen biết nhưng chưa kịp sử dụng thì Bùi Hoàng H là bạn nghiện gọi điện rủ mua ma túy về sử dụng cùng. Do chưa có nhu cầu sử dụng nên bị cáo đã để lại gói ma túy đó cho H. Do vậy, khoảng 11giờ ngày 29/01/2018 tại tường rào bên trong gần cổng nhà T, bị cáo T bán cho H 01 gói ma túy với giá 200.000 đồng. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với bản kết luận giám định số 71/KLGĐ-PC54-MT ngày 16/4/2018 và các chứng cứ, tài liệu có liên quan khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự thì:

1. Người mua bán trái phép chất ma tuý thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

……

5. Ng□ời phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản,.

Như vậy, hành vi nêu trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự và đề nghị của người bào chữa cho Bùi Văn T là có căn cứ. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo Bùi Văn T như cáo trạng số 70/CT-VKSNQ-HS ngày 18/10/2018về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự là chưa đủ căn cứ , bởi lẽ:

- Tại bản cáo trạng số 70/CT-VKSNQ-HS ngày 18/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N quyết định truy tố Bùi Văn T, sinh năm 1971 ra trước Tòa án nhân dân huyện N để xét xử. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa thì Bùi Văn T, sinh năm 1979 và không có tài liệu

nào xác định T sinh năm 1971 và chị gái tên Bùi Thị T chứ không phải Bùi Thị T như trong tất cả lý lịch mà cơ quan điều tra đã thu thập. Như vậy, Bùi Văn T có lý lịch như cáo trạng số 70/CT-VKSNQ-HS ngày 18/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N không phải của một người.

- Đối với hành vi Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo Bùi Văn T bán trái phép chất ma túy cho Bùi Hoàng H vào khoảng 15 giờ ngày 26/01/2018 Hội đồng xét xử thấy: Quá trình điều tra (BL 179) cũng như tại phiên tòa ngày 11/01/2019 H khai 03 lần mua ma túy của T và mỗi lần đi mua ma túy của T thì H đều dùng điện thoại quay lại việc trao đổi mua bán ma túy, các video clip này đều thể hiện rất rõ việc H đưa tiền cho T và T đưa ma túy cho H. Tại phiên tòa H xác định khoảng 15 giờ ngày 26/01/2018 H gọi điện cho T mua ma túy, bắt đầu đi từ nhà và bật máy quay luôn cả đoạn đường đến chỗ hẹn với T. Từ nhà H đến chỗ hẹn đi khoảng 15 phút. Khi gặp T tại quán nước thuộc địa phận xã Q thì H đưa cho T 01 tờ tiền mệnh giá 200.000đồng, sau đó T móc túi quần bò bên trái đưa cho H gói ma túy và H đưa tay về phía T nhận gói ma túy, H kiểm tra xong mới ra về. Tuy nhiên, trong tệp hình ảnh ký hiệu số 2018-01-29_16-37-10 thì thời lượng 01 phút 35 giây chỉ có hình ảnh thể hiện T nhận tiền mệnh giá không phải là tờ 200.000đồng, sau đó T cất tiền vào ví nhưng không có hình ảnh nào thể hiện việc sau khi T nhận tiền thì T giao ma túy hay bất kỳ vật gì cho H, cũng không có hình ảnh H kiểm tra gói ma túy như lời khai của H. Quá trình điều tra không có tin nhắn thể hiện H và T giao dịch mua ma túy chỉ có bảng kê chi tiết các cuộc gọi đi gọi đến của số điện thoại 0966.692.478 của H tại bút lục số (17-22) do tập đoàn viễn thông quân đội cung cấp ngày 26/01/2018 vào hồi 13 giờ 10 phút 56 giây cuộc gọi đi từ số điện thoại 0966.692.478 đến số điện thoại 0962.401.442 của T thời gian 13 giây và trong khoảng thời gian từ 14 giờ 11 phút 42 giây đến 21 giờ 35 phút 47 giây có 08 cuộc gọi đi từ số 0966.692.478 đến số 0962.401.442 nhưng không có nội dung các cuộc gọi nên không xác định được T và H liên lạc với nhau mục đích gì. Mặt khác, tại phiên tòa H không trả lời được lý do tại sao lời khai trong quá trình điều tra và tại phiên tòa có sự khác nhau về mục đích quay video, thời lượng video cũng như mệnh giá tiền giao cho T và cách thức T giao ma túy.

- Đối với hành vi Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo Bùi Văn T bán trái phép chất ma túy cho Bùi Hoàng H vào khoảng 16 giờ ngày 29/01/2018. Hội đồng xét xử thấy:

+ Tại các lời khai, bản kiểm điểm của Nguyễn Thanh N trong giai đoạn điều tra thể hiện: Nguyễn Thanh N và Bùi Hoàng H là bạn bè quen biết nhau, sáng 29/01/2018 N và H góp mỗi người 100.000 đồng để đi mua ma túy về sử dụng. H gọi điện cho Bùi Văn T và sử dụng xe mô tô chở N đến nhà T để ma túy. Khi đến gần cổng nhà đến nhà Bùi Văn T ở thôn Đ, xã Q, huyện N. H bảo N đứng đợi còn

mình điều khiển xe máy đến cổng nhà Bùi Văn T. Bùi Văn T đứng ở trong tường rào bỏ gói ma túy lên mặt bờ tường rào. H đưa cho Tuệ 200.000đồng và lấy gói ma túy trên mặt tường rào sau đó đi xe mô tô ra chỗ N. H và N đã sử dụng hết gói ma túy vừa mua được. Khoảng 16 giờ ngày 29/01/2018, tại nhà Bùi Hoàng H thì Nguyễn Thanh N và Bùi Hoàng H lại góp mỗi người 100.000 đồng để đi mua ma túy về sử dụng. Bùi Hoàng H chở Nguyễn Thanh N đến nhà Bùi Văn T. Khi đến cổng nhà T, H bảo N đứng ngoài đợi còn mình đi vào sân nhà T và đi bộ đến hông bên trái nhà T, T từ phía sau nhà đi lên, gặp H tại hông bên trái của nhà T thì T đưa cho H 01 gói ma túy được gói ngoài bằng giấy trắng có chữ màu đen, H cầm và đưa cho T 200.000 đồng sau đó đi ra chỗ N đợi để đón N. N và H điều khiển xe mô tô về nhà H thì H chia đôi gói ma túy vừa mua được một phần gói lại bằng giấy màu vàng H giữ, một phần gói lại bằng giấy màu trắng có chữ màu đen đưa cho N, N cầm gói ma túy về nhà sử dụng một phần còn một phần sáng 30/01/2018 mang đến địa phận nghĩa trang thuộc Phố T, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình sử dụng thì bị bắt quả tang.

Tuy nhiên, tại phiên tòa ngày 11/01/2019 Nguyễn Thanh N khẳng định không biết T và cũng chưa nhìn thấy T bao giờ. N khai có hai lần đi mua ma túy cùng với H cụ thể: Lần thứ nhất vào buổi trưa N không nhớ ngày khi N và H đi đến gần nhà T thì H đã bảo N xuống xe đứng đợi ngoài đường nên N không biết nhà T và không chứng kiến việc mua bán giữa H và T. Lần thứ hai vào buổi chiều N không nhớ ngày, thì H cũng bảo N đứng ngoài đợi nên N đứng cách nhà T khoảng 50-60m. Vì vậy, N chỉ nhìn thấy một người đàn ông và H đứng đối diện nhau một lúc ở hành lang hông nhà T rồi thấy H ra cổng chứ không nhìn thấy việc trao đổi mua bán cũng như mặt T. Tuy nhiên, tại biên bản làm việc và sơ họa quang cảnh nhà Bùi Văn T ngày 31/01/2019 do người bào chữa cho T cung cấp thì với khoảng cách như N khai không thể nhìn vào hành lang hông nhà T. Mặt khác, tại phiên tòa ngày 05/3/2019 N xác định cả hai lần H đi mua ma túy N chỉ đi cùng nhưng đứng ngoài đường đợi H chứ không đến nhà T nên không biết mặt T và không mô tả lại được quang cảnh cũng như vị trí đứng của mình như sơ đồ N vẽ tại cơ quan điều tra.

Cả hai phiên tòa N đều xác định sau khi H từ nhà T ra, đi được một đoạn đường thì H đưa cho N 01gói ma túy bên ngoài gói bằng giấy bạc màu vàng sau đó cất luôn vào túi và bắt xe về nhà luôn chứ không vào nhà H, đến sáng 30/01/2018 đang sử dụng ma túy thì bị phát hiện. Nhưng biên bản vi phạm hành chính của N ngày 30/01/2018 thể hiện thu giữ 01 mảnh giấy trắng có in chữ màu đen N xác định đây là vỏ gói ma túy N và H đã mua của T ngày 29/01/2018.

Giai đoạn điều tra và tại phiên tòa Bùi Hoàng H xác định khi mua được ma túy thì về nhà H mới chia gói ma túy mua được làm 02 gói đưa cho N một gói

bằng giấy trắng. Như vậy, lời khai của N tại phiên tòa mâu thuẫn với lời khai của N trong quá trình điều tra và với lời khai của H và với biên bản vi phạm hành chính của N ngày 30/01/2018. Tại phiên tòa ngày 11/01/2019 khi cho H và N đối chất thì N và H nói giữ nguyên lời khai như quá trình điều tra và cũng không trả lời được lý do tại sao lời khai quá trình điều tra và tại phiên tòa có mâu thuẫn. Mặt khác, tại phiên tòa ngày 11/01/2019 N xác định không được xem các video để nhận dạng T vì bản thân không biết mặt T và chữ ký tại biên bản mở niêm phong, nhận dạng ngày 02/10/2018 không phải chữ ký của N (BL 324). Đồng thời xác định sơ đồ vị trí N và H mua ma túy của T ngày 29/01/2018 (BL 202,203) đúng là do N vẽ nhưng tại sao vẽ được thì N không trả lời. Tại sơ đồ vị trí (BL 169;171) tại phiên tòa ngày 11/01/2019 H khẳng định trong sơ đồ đánh dấu vị trí thứ 3 không phải do H đánh dấu và viết, còn N khẳng định vị trí thứ 3 sơ đồ của H là do N đánh dấu và viết nhưng cả hai người không trả lời được lý do tại sao. Điều đó chứng tỏ N không biết nhà T và không chứng kiến việc mua bán trao đổi ma túy giữa H và T như lời khai của H và N trong quá trình điều tra.

Về nội dung của đoạn vi deo ký hiệu số 2018-01-29_16-37-10 không có hình ảnh thể hiện việc trao đổi giao nhận tiền và ma túy như H và N khai trong quá trình điều tra.

Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử thấy lời khai của H và N trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa mâu thuẫn nhau và không phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác nên chưa đủ căn cứ để buộc tội bị cáo Bùi Văn T có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Bùi Hoàng H lần thứ nhất vào khoảng 15 giờ ngày 26/01/2018 và lần thứ ba khoảng 16 giờ ngày 29/01/2018 như đại diện Viện kiểm sát buộc tội.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N không làm sáng tỏ được những căn cứ để buộc tội Bùi Văn T có hành vi nhiều lần bán ma túy cho Bùi Hoàng H như: Tại sao N không biết mặt T và không được xem các video để nhận dạng T và chữ ký tại biên bản mở niêm phong, nhận dạng ngày 02/10/2018 không phải chữ ký của N? Tại sao tại sơ đồ vị trí H vẽ (BL 169;171) lại có chữ viết của N ở vị trí số 3 và không làm sáng tỏ được những mâu thuẫn về lời khai của H và N trong giai đoạn điều tra và lời khai của N và H tại phiên tòa xong vẫn buộc tội bị cáo Bùi Văn T có hành vi bán trái phép chất ma túy nhiều lần cho Bùi Hoàng H là chưa phù hợp với nguyên tắc suy đoán vô tội được quy định trong Hiến pháp năm 2013 và Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Tòa án xét xử bị cáo Bùi Văn T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự là phù hợp không trái với khoản 2 Điều 298 Bộ luạt Tố tụng hình sự năm 2015.

Hành vi nêu trên của bị cáo là cố ý và gây nguy hiểm cho xã hội. Trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về việc quản lý các chất ma túy. Bản thân bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi mua bán trái phép chất ma túy của mình bị Nhà nước cấm. Bị cáo nhận thức được nghiện ma túy là tệ nạn xã hội nguy hiểm mà cộng đồng đang ra sức lên án và loại trừ bởi ma túy ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của người sử dụng, ảnh hưởng đến kinh tế, sự phát triển nòi giống, phá hoại hạnh phúc gia đình và là con đường lây nhiễm HIV phổ biến nhất hiện nay, đồng thời gây mất trật tự an toàn xã hội, làm gia tăng các tệ nạn xã hội như: Lừa đảo, trộm cắp…Nhận thức được hành vi mua bán ma túy bị pháp luật cấm và tác hại to lớn của ma túy như vậy nhưng bị, vẫn cố ý thực hiện. Điều đó, chứng tỏ bị cáo có ý thức coi thường pháp luật nên cần xử phạt bị cáo mức án thật nghiêm khắc, áp dụng loại hình phạt tù có thời hạn cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo và tổng hợp 48 tháng tù của Bản án số 97/2018/HS-ST ngày 30/8/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Ninh Bình, sau đó buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án. Tuy nhiên, hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo Tuệ xảy ra sau hành vi bán trái phép chất ma túy cho Bùi Hoàng H nhưng Tòa án thành phố Ninh Bình xét xử trước và đã có hiệu lực pháp luật nên theo quy định của pháp luật xác định là tiền án nhưng không coi là tình tiết tăng nặng "tái phạm". Tại phiên tòa bị cáo không ăn năn về hành vi phạm tội của mình nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người nghiện ma túy không có tài sản gì đáng kể, con bị cáo mắc bện Doaw. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4]. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Đối với 01 phong bì thư có số 37/2018/GĐMT bên trong là 01 bơm tiêm nhựa loại 03ml và 01 mảnh giấy màu trắng kích thước (5x5) cm có in chữ màu đen và toàn bộ vỏ gói ban đầu; một phong bì thư niêm phong chiếc điện thoại nhãn hiệu K- Touck H711 do không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với một điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh đã cũ có số IMEI 353687073289446 thu giữ của Bùi Văn T; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu K-Touck H711 thu giữ của Bùi Hoàng H là công cụ phương tiện dùng để phạm tội cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen đã cũ có số IMEI 353060067834660 của Bùi Văn T cần trả lại cho T do không liên quan đến hành vi phạm tội cho bị cáo.

- Truy thu nộp ngân sách Nhà nước Bùi Văn T số tiền 200.000 đồng là tiền Tuệ bán ma túy cho Bùi Hoàng H trưa ngày 29/01/2018.

[5]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 251; Điều 56 Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Bùi Văn T 04 (Bốn) năm tù. Tổng hợp hình phạt 48 tháng (bằng 04 năm) tù của Bản án số 97/2018/HS-ST ngày 30/8/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Ninh Bình. Buộc bị cáo Bùi Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 08 (Tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/01/2018.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì thư có số 37/2018/GĐMT bên trong là 01 bơm tiêm nhựa loại 03ml và 01 mảnh giấy màu trắng kích thước (5x5) cm có in chữ màu đen và toàn bộ vỏ gói ban đầu; Một phong bì thư niêm phong chiếc điện thoại nhãn hiệu K- Touck H711.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước một điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh đã cũ có số IMEI 353687073289446 thu giữ của Bùi Văn T; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu K- Touck H711 thu giữ của Bùi Hoàng H.

- Trả lại cho Bùi Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen đã cũ có số IMEI 353060067834660.

(Đặc điểm các vật chứng như biên bản giao vật chứng ngày 02/11/2018).

- Truy thu nộp ngân sách Nhà nước bị cáo Bùi Văn T số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Bùi Văn T phải nộp là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

4. Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh NB;*
- *VKSND huyện NQ;*
- *THADS huyện NQ;*
- *CA huyện NQ;*
- *Những người TGTT;*
- *Lưu./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

ĐÀO THỊ HUỆ